

Phụ lục 2

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Tính chất nguồn: 13

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Mã DV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)
I	Loại khoản 070 - 074				
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	-3.666.100.000
2	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	-2.033.900.000
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	-1.575.500.000
4	Trường THPT Hòa Vang	1006802	0168	1	-1.195.400.000
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	-1.720.200.000
6	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	-2.160.000.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	-1.373.100.000
8	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	-1.306.000.000
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	-1.104.900.000
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	-1.133.000.000
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	-1.346.300.000
12	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	0168	1	-1.246.200.000
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	-1.247.200.000
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	-1.151.500.000
15	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	-1.331.700.000
16	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	-1.184.900.000
17	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	-1.163.500.000
18	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	0168	1	-913.500.000
19	Trường THPT Sơn Trà	1127102	0168	1	-1.158.000.000
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	-1.120.600.000
	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	KBNN KV XIII	-1.538.100.000
22	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	-1.066.600.000
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	1045044	0171	4	-1.128.500.000
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	-1.124.000.000
25	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	-1.384.300.000
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	1060002	0179	12	-1.097.100.000
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	-950.500.000
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	-1.185.200.000
29	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	-1.234.600.000
30	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	-1.687.200.000
31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1010036	0179	12	-1.562.400.000
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	-1.235.500.000
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1010042	0179	12	-743.100.000
34	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	-1.048.300.000
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	-842.700.000
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	1063743	0179	12	-877.500.000
37	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	-945.500.000

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)
38	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	-1.097.200.000
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	-1.212.000.000
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	-1.117.700.000
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	1063747	0176	9	-1.000.400.000
42	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	-1.097.100.000
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	-648.400.000
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	-1.314.800.000
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	1064441	0178	11	-935.600.000
46	Trường THPT Tiểu La	1009977	0178	11	-1.062.400.000
47	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	-783.100.000
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	-964.000.000
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1063740	0178	11	-568.900.000
50	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	-670.300.000
51	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	-654.200.000
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1131281	0172	5	-632.100.000
53	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	-1.531.100.000
54	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	-1.179.600.000
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	-1.309.700.000
56	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	-736.000.000
57	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	-814.300.000
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	-702.000.000
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1045172	0177	10	-1.007.900.000
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1011556	0177	10	-909.200.000
61	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	-467.200.000
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	-492.700.000
63	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	-426.000.000
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	1127079	0174	7	-230.799.000
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	-496.500.000
66	Trường THPT Tố Hữu	1045039	0176	9	-612.300.000
67	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	-901.600.000
68	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	-1.502.500.000
69	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	-1.098.000.000
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	-805.100.000
71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	1092748	0171	4	-849.500.000
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	-847.599.000
73	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	1060732	0179	12	-469.500.000
74	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	1099757	0176	9	-338.100.000

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)
75	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	-369.100.000
76	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	-301.100.000
II	Loại khoản 070 - 072				
77	Trường Chuyên biệt Tương Lai	1012109	0161	KBNN KV XIII	-276.000.000
78	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	1076378	0166	2	-305.000.000
III	Loại khoản 070 - 075				
79	Trung tâm GDTX Số 1	1070733	0168	1	-627.300.000
80	Trung tâm GDTX Số 2	1076373	0166	2	-1.294.158.000
81	Trung tâm GDTX Số 3	1033043	0168	1	-709.000.000
IV	Loại khoản 070				
82	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012231	0161	KBNN KV XIII	84.149.656.000
	TỔNG CỘNG				-